

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153 /2017/DS-PT.

Ngày 25-9-2017.

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán:

Bà: Sơn Nữ Phà Ca.

Bà: Nguyễn Thị Tư.

- Thư ký phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông : Nguyễn Văn Bé Tư -Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLPT - DS ngày 08 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*” (Ranh đất).

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS - ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2017/QĐPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1951 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Khoa T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1977 (Có mặt).

+ Anh Nguyễn Long T3, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Thiện T4, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

- + Chị Nguyễn Thị Ngân T5, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
- + Chị Mai Thị Thanh T6, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
- + Chị Võ Thị Bé T7, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
- + Anh Nguyễn Khoa T1, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- + Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Phú Tân, tỉnh Ang Giang.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng T2, anh Nguyễn Long T3, anh Nguyễn Thiện T4, chị Nguyễn Thị Ngân T5, chị Mai Thị Thanh T6, chị Võ Thị Bé T7 và anh Nguyễn Văn K: Anh Nguyễn Khoa T1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

- + Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

- + Chị Châu Thị N, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P và chị Châu Thị N: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Do có kháng cáo của: Bà Trần Thị Kim H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/6/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kim H và đại diện theo ủy quyền của bà H là anh Nguyễn Khoa T1 trình bày:

Phần đất thửa số 805, diện tích 270m², loại đất NDT; thửa 806, diện tích 790m², loại đất ao; thửa 807, diện tích 1.050m², loại đất thổ quả, cùng tờ bản đồ số 7, do ông Nguyễn Văn T8 (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay đang do bà H là vợ ông T8 và các con của ông T8 tên Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Long T3, Nguyễn Thiện T4, Nguyễn Thị Ngân T5, Nguyễn Khoa T1 và Nguyễn Văn K đang trực tiếp canh tác và sử dụng. Các thửa đất do ông T8 đứng tên nằm cặp ranh với phần đất thuộc thửa 808, diện tích 780m², loại đất LN; thửa 809, diện tích 730m², loại đất T+ vườn, cùng tờ bản đồ số 7 do ông Nguyễn Văn Q

đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tất cả các thửa đất trên đều tọa lạc tại: Ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình sử dụng giữa hai bên phân định ranh bằng một cái ao nằm ở giữa, nhưng do hai bên không xác định được ranh nên phát sinh tranh chấp. Trên phần đất đang tranh chấp có một số loại cây trồng gồm: dừa, chuối, tầm vong, xoài, bàng, ... phía bà H cho rằng ông Q lấn qua phần đất của bà H chiều ngang khoảng 02m, chiều dài khoảng 62m, diện tích khoảng 124 m².

Tại phiên tòa sơ thẩm anh T1 làm đại diện cho bà H yêu cầu ông Q trả lại phần đất đã lấn ranh có diện tích 354,2m². Đất tọa lạc ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Q có phần đất thửa số 808, diện tích 780m² loại đất LN; thửa đất 809, diện tích 730m², loại đất T+vườn, cùng tờ bản đồ số 7 do ông Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giáp ranh với phần đất tại thửa 805, diện tích 270m², loại đất NDT; thửa 806, diện tích 790m², loại đất ao; thửa 807, diện tích 1.050m², loại đất thổ quả, cùng tờ bản đồ số 7, do ông Nguyễn Văn T8 (chết) là chồng bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng giữa hai bên phân định ranh bằng một cái ao, nhưng do hai bên không xác định được ranh nên phát sinh tranh chấp. Trên phần đất đang tranh chấp có một số loại cây trồng gồm: dừa, chuối, tầm vong, xoài, bàng, ...

Ông Q cho rằng ông không có lấn ranh qua đất của bà H nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H. Ông Q yêu cầu xác định ranh đất giữa các bên, công nhận phần đất tranh chấp ranh thuộc quyền sử dụng của ông Q. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

Anh Nguyễn Khoa T1 và anh T1 đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Trọng T2, anh Nguyễn Long T3, anh Nguyễn Thiện T4, chị Nguyễn Thị Ngân T5, chị Mai Thị Thanh T6, chị Võ Thị Bé T7, anh Nguyễn Văn K là anh Nguyễn Khoa T1 đều thống nhất theo lời trình bày của anh T1 đại diện cho bà H và không có yêu cầu gì thêm.

Ông Nguyễn Văn Q đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh P, chị Châu Thị N: Thống nhất theo lời trình bày của ông Q và không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản án dân sơ thẩm số: 17/2017/DS.ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xử:

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 161 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Q trả lại phần đất diện tích 345,2m² tại thửa 805 + 806 + 807 (thửa mới 7), tờ bản đồ số 7 (tờ bản đồ mới số 34). Đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu công nhận phần diện tích đất tranh chấp là 345,2m² tại các mốc 4-5-22-5'-10-14-4 thuộc tách 808 (thửa mới 8), tờ bản đồ số 7 (tờ bản đồ mới 34). Đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, ông Q được hưởng phần đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp thửa 7;
- + Hướng Tây giáp thửa 8 và thửa 231;
- + Hướng Nam giáp thửa 7;
- + Hướng Bắc giáp thửa 231 và đường đất.

(Đính kèm bản photo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

+ Tại biên bản định giá ngày 15/9/2016 phần cây trồng trên đất tranh chấp gồm có: 02 cây dừa, 17 cây chuối, 11 cây tầm vông có giá trị 1.180.000 đồng (Một triệu, một trăm mười tám ngàn đồng) do hộ bà H trồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Q hoàn lại giá trị cây trồng trên đất cho hộ bà H có giá trị 1.180.000 đồng (Một triệu, một trăm mười tám ngàn đồng) và ông Q được hưởng các cây trồng này.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá tài sản, án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 3 năm 2017 Trần Thị Kim H kháng cáo với nội dung:

Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả lại cho bà phần đất lấn chiếm là 345,2m² thuộc phần đất có diện tích 1050m² thuộc thửa 807, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, do chồng bà là ông Nguyễn Văn T8 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà H có đơn yêu cầu đo đạc, khảo sát lại phần đất tranh chấp.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và khảo sát đo đạc ngày 19/06/2017 nguyên đơn bà H và bị đơn ông Q thống nhất với nhau là: Yêu cầu tiến hành đo đạc khảo sát thửa 807 của bà H giáp ranh với thửa 808 của ông Q để xem xét giải quyết phần đất tranh chấp ranh giữa thửa 807 và 808. Nguyên đơn bà H và bị đơn ông Q thống nhất không yêu cầu đo đạc thửa 805, 806 của bà H và thửa 809 của ông Q.

Tại vị trí giáp ranh giữa thửa 807 và 808 đang tranh chấp là một nương lạng có chiều ngang 04 m, chiều dài hết thửa 807 và 808. Bà H xác định ranh tại thửa 807 phía ngoài giáp đường đất cắm bằng trụ đá từ mé líp ra nương 01m, đoạn giữa cắm bằng trụ đá từ mé líp ra nương 01m, phía trong giáp hết phần đất của ông Q, bà H cắm bằng trụ đá từ mé líp ra nương 01m. Bà H cho rằng đường thẳng nối liền 03 trụ đá bà cắm là ranh giữa thửa 807 và 808; Ông Q xác định ranh tại thửa 808 phía ngoài giáp đường đất cắm bằng trụ đá giữa líp bà H đang sử dụng, đoạn giữa cắm bằng trụ cây giữa líp bà H đang sử dụng, phía trong giáp hết phần đất của ông

Q, ông Q cắm bằng trụ đá giữa líp bà H đang sử dụng. Ông Q cho rằng đường thẳng nối liền 03 trụ ông Q cắm là ranh giữa thửa 807 và 808. Trong phần diện tích đất tranh chấp ranh giữa bà H và ông Q có các loại cây như: Bà H trồng và sử dụng 01 cây dừa 17 năm tuổi, 04 cây dừa từ 03-05 năm tuổi, 01 cây dừa từ 02-03 năm tuổi, 16 cây tầm vong cao trên 05m, 14 cây tầm vong cao dưới 05m, 03 cây chuối cao trên 01m và 01 cây bàng tự mọc đường kính 70cm.

Tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/9/2017 và sơ đồ vị trí khi đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp theo công văn số: 404/TAT-DS ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thì phần diện tích tranh chấp ranh giữa thửa 807 của bà H và thửa 808 của ông Q là $227,2m^2$ gồm các mốc và diện tích cụ thể như sau: [(4,A,B,C,19,21,4) diện tích $140,3m^2$ + (A,5,20,13,C,B,A) diện tích $86,9m^2$)] = $227,2m^2$.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Bà H và ông Q đều thống nhất xác định: Tại diện tích $140,3m^2$ gồm các mốc (4,A,B,C,19,21,4) do bà H đang sử dụng và có cây do bà H trồng 01 cây dừa 17 năm tuổi, 04 cây dừa từ 03-05 năm tuổi, 01 cây dừa từ 02-03 năm tuổi, 16 cây tầm vong cao trên 05m, 14 cây tầm vong cao dưới 05m, 03 cây chuối cao trên 01m và 01 cây bàng tự mọc đường kính 70cm; Tại diện tích $86,9m^2$ gồm các mốc (A,5,20,13,C,B,A) do ông Q đang sử dụng không có cây trồng vật kiến trúc gắn liền trên đất.

Bà H và ông Q thỏa thuận yêu cầu Tòa công nhận sự thỏa thuận giữa bà H và ông Q như sau:

- Công nhận cho phía bà H được sử dụng diện tích $140,3m^2$ gồm các mốc (4,A,B,C,19,21,4) do bà H đang sử dụng và có cây do bà H trồng 01 cây dừa 17 năm tuổi, 04 cây dừa từ 03-05 năm tuổi, 01 cây dừa từ 02-03 năm tuổi, 16 cây tầm vong cao trên 05m, 14 cây tầm vong cao dưới 05m, 03 cây chuối cao trên 01m và 01 cây bàng tự mọc đường kính 70cm thuộc về thửa 807 loại đất ONT+CLN do ông T8 chồng bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Công nhận cho phía ông Q được sử dụng diện tích $86,9m^2$ gồm các mốc (A,5,20,13,C,B,A) do ông Q đang sử dụng không có cây trồng vật kiến trúc gắn liền trên đất thuộc về thửa 808 loại đất CLN do ông Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá:

Bà H đồng ý chịu nộp 7.899.100 đồng (Bảy triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, một trăm đồng) tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tại cấp sơ thẩm và bà H đồng ý chịu nộp 4.535.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí khảo sát, đo đạc tại cấp phúc thẩm.

- Về án phí:

Bà H đồng ý chịu nộp $[(140,3m^2 \times 80.000đ/1m^2)] \times 5\% = 561.200$ đồng.

Ông Q đồng ý chịu nộp $[(86,9m^2 \times 80.000đ/1m^2)] \times 5\% = 347.600$ đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thống nhất theo sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà H và bị đơn ông Q.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông T1 đại diện cho bà H vắng mặt nhưng bà H có mặt, bà H cho rằng tại phiên tòa hôm nay do bà Hoa tự trình bày không cần phải có mặt ông T1 và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1. Những người không có kháng cáo và không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo gồm anh T3, anh T4, chị T5, chị T6, chị T7, anh K, anh T1. Nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh T3, anh T4, chị T5, chị T6, chị T7, anh K, anh T1.

+ Về nội dung: Tại phiên phúc thẩm bà H và ông Q thỏa thuận được với nhau tất cả các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, nên có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Ngày 03 tháng 3 năm 2017 nguyên đơn bà Trần Thị Kim H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vào ngày 03/3/2017 còn trong thời hạn luật định theo Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị Kim H và ông Nguyễn Văn Q thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa bà H và ông Q như sau:

- Công nhận cho phía bà H được sử dụng diện tích $140,3\text{m}^2$ gồm các mốc (4,A,B,C,19,21,4) do phía bà H đang sử dụng và có cây do bà H trồng 01 cây dừa 17 năm tuổi, 04 cây dừa từ 03-05 năm tuổi, 01 cây dừa từ 02-03 năm tuổi, 16 cây tầm vong cao trên 05m, 14 cây tầm vong cao dưới 05m, 03 cây chuối cao trên 01m và 01 cây bàng tự mọc đường kính 70cm thuộc về thửa 807 loại đất ONT+CLN do ông T8 chồng bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Công nhận cho phía ông Q được sử dụng diện tích $86,9\text{m}^2$ gồm các mốc (A,5,20,13,C,B,A) do ông Q đang sử dụng không có cây trồng vật kiến trúc gắn liền trên đất thuộc về thửa 808 loại đất CLN do ông Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá:

Bà H đồng ý chịu nộp 7.899.100 đồng (Bảy triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, một trăm đồng) tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tại cấp sơ thẩm và bà H đồng ý chịu nộp 4.535.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí khảo sát, đo đạc tại cấp phúc thẩm. Tất cả số tiền này bà H đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

- Về án phí:

Bà H đồng ý chịu nộp $[(140,3\text{m}^2 \times 80.000\text{đ}/1\text{m}^2)] \times 5\% = 561.200$ đồng.

Ông Q đồng ý chịu nộp $[(86,9\text{m}^2 \times 80.000\text{đ}/1\text{m}^2)] \times 5\% = 347.600$ đồng.

Xét thấy, giữa bà H và ông Q thỏa thuận được với nhau toàn bộ các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên công nhận sự thỏa thuận trên. Do đó, căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá và quyền nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà H không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2017/DS-ST, ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 166 và khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14.

Tuyên xử:

- Công nhận cho bà Trần Thị Kim H, anh Nguyễn Trọng T2, Nguyễn Long T3, Nguyễn Thiện T4, Nguyễn Thị Ngân T5, Nguyễn Khoa T1 và Nguyễn Văn K được sử dụng diện tích 140,3m² gồm các mốc (4,A,B,C,19,21,4) thuộc về thửa 807 loại đất ONT+CLN do ông Nguyễn Văn T8 chồng bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các cây trồng gắn liền trên đất gồm: 01 cây dừa 17 năm tuổi, 04 cây dừa từ 03-05 năm tuổi, 01 cây dừa từ 02-03 năm tuổi, 16 cây tầm vong cao trên 05m, 14 cây tầm vong cao dưới 05m, 03 cây chuối cao trên 01m và 01 cây bàng tự mọc đường kính 70cm.

- Công nhận cho ông Nguyễn Văn Q được sử dụng diện tích 86,9m² gồm các mốc (A,5,20,13,C,B,A) thuộc về thửa 808 loại đất CLN do ông Nguyễn Văn Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có cây trồng vật kiến trúc gắn liền trên đất.

(Có trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/9/2017 và sơ đồ vị trí khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp theo công văn số: 404/TAT-DS ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, kèm theo bản án).

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá:

Buộc bà H nộp 7.899.100 đồng (Bảy triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, một trăm đồng) tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tại cấp sơ thẩm và nộp 4.535.000 đồng (Bốn triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền chi phí khảo sát, đo đạc tại cấp phúc thẩm. Tất cả số tiền này bà H đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

- Về án phí:

Buộc bà Trần Thị Kim H nộp 561.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền bà H nộp được khấu trừ từ 310.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo lai thu số 026830 ngày 05/5/2015, còn lại bà H phải tiếp tục nộp 251.200 đồng (Hai trăm năm mươi một nghìn, hai trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Q nộp 347.600 đồng. Số tiền ông Q nộp được khấu trừ từ 364.400 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo lai thu số 0007143 ngày 21/6/2016. Hoàn trả ông Q 16.800 đồng (Mười sáu nghìn, tám trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

Hoàn trả bà Trần Thị Kim H 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo lai thu số 0007772 ngày 03/3/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND huyện Tam Bình: 01b;
- THADS huyện Tam Bình: 02b;
- Đ/sự: 12b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trường